TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 57/2019/QĐST-HNGĐ	*Đống Đa, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào điều 212, 213, 397, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 1161/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Chị T.N.H, sinh năm 1986; HKTT: Số 2xx Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 1x Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Anh N.B.C, sinh năm 1971; HKTT: Số 4x Hàng Bông, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 1x Lý Văn Phức, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tình cảm: Chị T.N.H và anh N.B.C cùng xác nhận anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Mâu thuẫn của chị H và anh C phát sinh vào khoảng năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị khác biệt quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó anh chị sống với nhau lạnh nhạt không có tình cảm, không thể tiếp tục duy trì

cuộc sống hôn nhân. Nay chị T.N.H và anh N.B.C cùng xác nhận tình cảm giữa anh chị không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhận thấy đây là trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, hai bên chị H và anh C đã thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Chị T.N.H và anh N.B.C xác nhận anh chị có 02 con chung là: cháu N.B.H.V, sinh ngày 07/6/2011; cháu N.B.H.N, sinh ngày 02/6/2013. Ly hôn chị H và anh C thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu V và N, anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung 15.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu là 7.500.000 đồng/tháng). Tòa án nhận định chị H và anh C đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và sự thỏa thuận này bảo đảm được quyền lợi chính đáng của các bên đương sự và con chung.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T.N.H và anh N.B.C xác nhận anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[4] Về vay nợ chung: Chị T.N.H và anh N.B.C xác nhận anh chị không có vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về lệ phí: Chị T.N.H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự vụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T.N.H và anh N.B.C.

- Về con chung: Xác nhận chị T.N.H và anh N.B.C có 02 con chung là cháu N.B.H.V, sinh ngày 07/6/2011; cháu N.B.H.N, sinh ngày 02/6/2013. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh C, giao cháu N.B.H.V và N.B.H.N cho chị T.N.H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N.B.C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung 15.000.000

đồng/tháng (mỗi cháu là 7.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định có hiệu lực pháp luật khác thay thế.

Anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T.N.H và anh N.B.C xác nhận anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

- Về vay nợ chung: Chị T.N.H và anh N.B.C xác nhận anh chị không có vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T.N.H nộp cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008130 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Đống Đa, TP. Hà Nội;
- UBND phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Bùi Trung Tuyến